

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp để phục vụ thi công dự án Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại và thi công dự án Tuyến đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân tại mỏ đất núi Chà Rây, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 4601/STNMT-CCBVMТ ngày 25/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại núi Chà Rây, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp để phục vụ thi công dự án Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại và thi công dự án Tuyến đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân tại núi Chà Rây, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn kèm theo Văn bản số 230/BQLGT-DDHDA ngày 30/01/2024 của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 167/TTr-STNMT ngày 05/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp để phục vụ thi công dự án Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị

Nại và thi công dự án tuyến đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại núi Chà Rây, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4688/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp để phục vụ thi công dự án Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại tại núi Chà Rây, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Lộc;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP ĐỂ PHỤC VỤ THI CÔNG DỰ ÁN TUYẾN ĐƯỜNG KẾT NỐI TỪ TRUNG TÂM THỊ XÃ AN NHƠN ĐẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN PHÍA TÂY ĐÀM THỊ NẠI VÀ THI CÔNG DỰ ÁN TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN TỈNH BÌNH ĐỊNH, ĐOẠN CÁT TIẾN - DIÊM VÂN TẠI NÚI CHÀ RÂY, XÃ NHƠN LỘC, THỊ XÃ AN NHƠN CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN GIAO THÔNG TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất núi Chà Rây, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn để phục vụ thi công dự án Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại và thi công dự án Tuyến đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân.

- Địa điểm thực hiện: núi Chà Rây, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh.

- Địa chỉ liên hệ: 05 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: 0256 3893 680.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 17 ha (gồm: khu vực 1 có diện tích 7,5 ha và khu vực 2 có diện tích 9,5 ha).

- Thời hạn khai thác: 01 năm (thực hiện khai thác theo tiến độ thi công dự án Tuyến đường kết nối trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại và thi công dự án Tuyến đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân).

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Trữ lượng, công suất khai thác: 482.946 m³ đất địa chất/năm (tương ứng 623.000 m³ nguyên khai với hệ số nở ròi 1,29).

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

- Khu vực 1 (diện tích 7,5 ha): Mỏ vỉa tại cao độ cos +50m phía Nam khu mỏ, khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, chiều cao khai thác trung bình 7,15-7,28m. Kết thúc khai thác địa hình khu vực 1 thoải dần từ Tây sang Đông (cao hơn cos địa hình hiện trạng mặt bằng phía hạ lưu, đảm bảo thoát nước). Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m³) để khai thác và xe 15 tấn để vận chuyển

đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mở khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

- Khu vực 2 (diện tích 9,5 ha đã hoàn thành hoạt động khai thác): Triển khai san gạt, trồng cây cải tạo phục hồi môi trường, cos hiện trạng đã khai thác thoải dần từ phía Tây sang Đông (cao hơn cos địa hình hiện trạng mặt bằng phía hạ lưu, đảm bảo thoát nước).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án (khu vực 1: 7,5 ha và khu vực 2 có diện tích 9,5ha):

- Công trình bảo vệ môi trường:

+ Khu vực 1 gồm 02 hố giảm tốc (phía Đông Bắc và Đông Nam), hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa xung quanh mỏ dài khoảng 570 m và hai bên tuyến đường trong mỏ dài khoảng 1.240 m.

+ Khu vực 2 gồm 02 hố giảm tốc (phía Đông Bắc và Đông Nam), hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa xung quanh mỏ dài khoảng 1.170 m.

- Tuyến đường tạm trong mỏ kết nối từ khu vực 2 đến khu vực 1 (kết cấu đường đất) dài khoảng 520 m.

- Mương rửa bánh xe chở đất ra khỏi mỏ, kích thước: dài 4,0 m x rộng 3,0m x sâu 0,5 m.

- Khu vực phụ trợ phía Đông Bắc (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 500 m² để bố trí lán trại tạm (có bố trí khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại), nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Vị trí dự án gồm 02 khu vực với tổng diện tích 17 ha. Tuy nhiên, đến nay, khu vực 2 đã khai thác xong và tiến hành phục hồi môi trường; do vậy, tác động môi trường chính chỉ diễn ra do quá trình khai thác khu vực 1, cụ thể như sau:

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,2m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 9.961 m³/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 9 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác đất và vận chuyển đất đến các công trình.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 7,2 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 02 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực dự án, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Khu vực 1: Mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ, tổng chiều dài khoảng 570 m (kích thước: đáy lớn 1,2 m x đáy bé 0,5 m x sâu 0,5 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường trong mỏ có chiều dài 1.240 m (kích thước: đáy lớn 1,5 m x đáy bé 1,2 m x sâu 1,0 m) và mương dẫn nước từ hồ giảm tốc ra nguồn tiếp nhận, tổng chiều dài khoảng 290 m (kích thước: đáy lớn 1,5 m x đáy bé 1,2 m x sâu 1,0 m). Các mương có kết cấu là mương đất hờ, được gia cố đảm bảo.

- Khu vực 2: Mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ, tổng chiều dài khoảng 1.170 m (kích thước: đáy lớn 1,2 m x đáy bé 0,5 m x sâu 0,5 m) mương có kết cấu là mương đất hờ, được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc số 1: phía Đông Bắc khu vực 1 (tọa độ: X= 1.535.291; Y = 582.598), thể tích khoảng 877 m³ (kích thước: dài 34 m x rộng 8,6 m x sâu 3 m), được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc số 2: phía Đông Nam khu vực 1 (tọa độ: X = 1.535.076; Y = 582.656), thể tích khoảng 328 m³ (kích thước: dài 21 m x rộng 5,2 m x sâu 3 m), được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc số 3: phía Đông Bắc khu vực 2 (tọa độ: $X = 1.535.995$; $Y = 582.580$), thể tích khoảng 914 m^3 (kích thước: dài 35 m x rộng 8,7 m x sâu 3 m), được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc số 4: phía Đông Nam khu vực 2 (tọa độ: $X = 1.535.712$; $Y = 582.428$), thể tích khoảng 626 m^3 (kích thước: dài 29 m x rộng 7,2 m x sâu 3 m), được gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Bắc khu vực 1 → mương thu gom → hồ giảm tốc số 1 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thoát nước (dài khoảng 210 m) → mương Đông Lạc phía Đông Bắc khu vực 1.

+ Nước mưa chảy tràn phía Nam khu vực 1 → mương thu gom → hồ giảm tốc số 2 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thoát nước (dài khoảng 80 m) → ao hiện trạng phía Đông Nam khu vực 1 → mương nội đồng phía Đông khu vực 1.

+ Nước mưa chảy tràn phía Bắc khu vực 2 → mương thu gom → hồ giảm tốc số 3 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → ao hiện trạng phía Đông Bắc khu vực 2 → mương thoát nước hiện trạng → mương nội đồng phía Đông khu vực 2.

+ Nước mưa chảy tràn phía Nam khu vực 2 → mương thu gom → hồ giảm tốc số 4 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương nội đồng phía Nam khu vực 2.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển từ mỏ đến Quốc lộ 19 (đặc biệt lưu ý đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi.

- Vệ sinh tuyến đường vận chuyển từ mỏ đến Quốc lộ 19.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi đất.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại lán trại tạm để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa tại lán trại tạm, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung: Định

kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện giải pháp đảm bảo an toàn các bãi lộ đá nằm trong phạm vi mỏ khi kết thúc khai thác.

- Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho khu vực 1 và khu vực 2 với các nội dung cụ thể như sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	05 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi triển khai dự án và giữ lại sau khi kết thúc khai thác
2	San gạt mặt bằng mỏ	13.500 m ³	Tạo bề mặt bằng phẳng thoải về hướng Đông thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây xanh	Triển khai thực hiện ngay tại khu vực 2 và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác đối với khu vực 1
3	San lấp mương thoát nước và hồ giảm tốc	3.952 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu	Thực hiện sau khi trồng cây được 3 năm
4	Tháo dỡ rọ đá	16 m ³		
5	Tháo dỡ ống cống thoát nước	24 m		
6	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	15 m ²		Triển khai thực hiện ngay khu vực 2 và triển khai, hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác khu vực 1
7	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực khai thác	17,0ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác	Triển khai thực hiện ngay tại khu vực 2 và thực hiện sau khi kết thúc san gạt mặt bằng từng năm khai thác tại khu vực 1
8	Vệ sinh tuyến đường vận chuyển đất	176 công	Đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển đất	Trong quá trình khai thác định kỳ 3 ngày/lần

TT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
9	Cải tạo tuyến đường đất từ đường Quốc lộ 19 vào dự án	2.429 m ³	Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động vận chuyển	Thường xuyên và sau khi kết thúc
10	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT	17,0 ha	Giám sát chiều sâu khai thác, tạo dữ liệu cho các hoạt động địa chất về sau.	Thực hiện sau khi kết thúc san gạt mặt bằng từng khu vực khai thác

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **1.610.706.000 đồng**
(Một tỷ sáu trăm mười triệu, bảy trăm linh sáu nghìn đồng chẵn).

- Chủ dự án đã nộp đủ tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đến năm 2023 theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 26/GP-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh là 1.269.510.000 đồng (Giấy xác nhận số 177/GXN-QBVMT ngày 14/8/2023 của Quỹ Bảo vệ môi trường). Do đó, số tiền ký quỹ còn lại chủ dự án phải nộp là **341.196.000 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi một triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 1 lần với số tiền là 341.196.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2024.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó; tạo bờ dè xung quanh khu vực mỏ (trừ phía Đông ở hạ lưu dự án, vì cos địa hình sau khi kết thúc khai thác bằng ở hạ lưu phía ngoài khu vực dự án) nhằm giảm thiểu sạt lở phía hạ lưu trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên nạo vét hồ giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến khu vực đất trồng nông nghiệp phía hạ lưu dự án và hồ thoát nước thủy lợi (cách khu vực 1 khoảng 10m về phía Đông). Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, ảnh hưởng đến khu vực đất trồng nông nghiệp phía hạ lưu dự án và hồ thoát nước thủy lợi, chủ dự án phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

- Bố trí khu vực điều tiết lưu lượng xe ra vào mỏ, không tập trung xe trên đường đất hiện trạng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị

xử lý.

5.2. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu và hồ thủy lợi.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.